TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-08-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Bá Thức
2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Bà Vủ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 08 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/06/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐ – HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nhã A, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PH, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Anh Lê Hoàng K, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/05/2019, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Nhã A trình bày:

Chị Trần Thị Nhã A và anh Lê Hoàng K tự nguyện kết hôn năm 2016 và đăng ký kết hôn năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do anh K cờ bạc, ăn chơi chị A nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Do tình cảm không còn nên chị A yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung; tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Lê Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhã A và anh Lê Hoàng K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do anh K cờ bạc, ăn chơi chị A có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Bị đơn anh Lê Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của chị A. Anh K không đến Tòa tham gia hòa giải điều đó cho thấy anh K không có thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ. Nay chị A yêu cầu ly hôn, xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nhã A và anh Lê Hoàng K được ly hôn

2. Về con chung: Khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Nhã A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0021470 ngày 27/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phát Lộc